TÒA ÁN NHÂN DÂN **YÊN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 184/2024/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 03 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN YÊN H, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và tự nguyện ly hôn ngày 25/11/2024.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 298/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Chị Lê Thị L, sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ dân phố L1, phường Ch, thị xã Ngh, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Trần Xuân B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã X, Yên H, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Trần Xuân B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kh (nay là xã X), Yên H, tỉnh Thanh Hóa ngày 03/01/2017. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 3/2024 thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường hay va chạm với nhau, không thể hòa giải được. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2024 cho đến nay. Nay anh chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét

thấy chị L và anh B thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Trần Xuân B.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Trần Xuân B thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Gia Nh, sinh ngày 06/7/2017 và cháu Trần Gia Y, sinh ngày 08/10/2019. Hai bên thỏa thuận giao cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi cháu Trần Gia Nh, anh Trần Xuân B trực tiếp nuôi cháu Trần Gia Y. Cháu Trần Gia Nh cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận về nuôi con của anh chị. Về cấp dưỡng nuôi con chị L và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị L và anh Trần Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị L và anh Trần Xuân B thống nhất chị L chịu toàn bộ lệ phí Tòa án nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Trần Xuân B

- Về con chung: Công nhận chị Lê Thị L và anh Trần Xuân B có hai con chung là cháu Trần Gia Nh, sinh ngày 06/7/2017 và cháu Trần Gia Y, sinh ngày 08/10/2019. Công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh B về nuôi con, giao cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi cháu Trần Gia Nh, anh Trần Xuân B trực tiếp nuôi cháu Trần Gia Y. Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết. Chị Lê Thị L và anh Trần Xuân B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nếu chị L, anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên còn lại.

- Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị L và anh Trần Xuân B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị L đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004030 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Yện H (chị L đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm).

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Yện H;
- UBND xã X;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú